

Bản án số:12/2019/HSST

Ngày 20 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Giang.

Ông Vàng Đình Vi.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo

1. Trần Ngọc S, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1984 tại huyện B, tỉnh HN.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ Dân phố số 5, TT P, huyện B1, tỉnh Lào Cai; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Ngọc B và bà: Trần Thị Tr; vợ: con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 241/2014/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Toà án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” và tuyên phạt 01 năm tù; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 3 năm 2019, tạm giam từ ngày 08 tháng 3 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt.

2. Hoàng Văn Th, sinh ngày 23 tháng 3 năm 1992 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Khu R, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn L và bà: Nguyễn Thị Đ; vợ: Phùng Thị Ch; con: 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 3 năm 2019, tạm giam từ ngày 08 tháng 3 năm 2019, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt.

3. Nguyễn Hồng Q, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: Khu A, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Không xác định được và bà: Nguyễn Thị Đ; vợ: Đinh Thị H; con: có 01 con sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 3 năm 2019, tạm giam từ ngày 08 tháng 3 năm 2019, Ngày 21 tháng 3 năm 2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn là Bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại - Có mặt.

Người bị hại: Bà Trần Thị T - Sinh năm 1965; Nghề nghiệp: Công nhân; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/3/2019 Trần Ngọc S gọi điện cho Phạm Đức Th1 đang làm thợ sơn ở thị trấn B, huyện B, S hẹn Th1 lên B chơi. Sau khi gọi điện xong, S nảy sinh ý định lên thị trấn B trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiêu xài cá nhân. S chuẩn bị 01 kìm và 01 tuốc nơ vít có 01 đầu 02 cạnh, 01 đầu 04 cạnh giấu trong người rồi đón xe khách lên thị trấn B. Khoảng 12 giờ cùng ngày, S đến thị trấn B gặp Th1, khoảng 14 giờ cùng ngày S nhờ Th1 chở đi chơi quanh thị trấn B với mục đích tìm xe mô tô để trộm cắp nhưng không nói cho Th1 biết. Th1 chở S bằng xe mô tô đến cây xăng B thuộc Tổ dân phố N, thị trấn B thì vào đổ xăng. Còn S đi bộ trước theo hướng S, đi được khoảng 100m thì phát hiện bên phải đường có xe mô tô HONDA Wave Al pha biển số 24Z1- 001.97 của bà Trần Thị T dựng trước hiên nhà, không có ai trông giữ, có thể trộm cắp được. Th1 đổ xăng xong điều khiển xe đuổi kịp chở S đi tiếp khoảng 300m thì S bảo Th quay lại cây xăng, Th đi về để S chơi ở đó tự đón xe khách về Lào Cai. Sau khi Th1 đi về, S đi bộ đến nhà bà Trần Thị T, dùng tuốc nơ vít cắm đầu dẹt vào ổ khóa điện rồi dùng kìm kẹp vào đầu còn lại, vặn mở được khóa điện. S dắt xe xuống đường, nổ máy rồi điều khiển xe mô tô đi ra thành phố Lào Cai. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày đến thôn N, xã B, huyện B1, S dừng lại tháo biển số cất vào trong cốp xe rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô đến phòng trọ của Hoàng Văn Th ở tổ 24, phường D, thành phố L. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày gặp Th, S nói “Xem đây cho anh con xe”, Th hỏi “Xe lấy ở xa hay gần”, S trả lời “Nhảy ở trên B”, ý là xe trộm cắp được trên B. Biết chắc chắn là xe trộm cắp, Th gọi cho Nguyễn Hồng Q, Th nói với Q “Phòng em có con xe máy, anh mua thì lên xem”, Q hỏi “Xe như thế nào”, Th trả lời “Xe Wave đỏ, vẫn đẹp, giá rẻ”, Q nói “Xe đẹp làm gì có giá rẻ”, lúc này Q biết là xe do trộm cắp nên đồng ý tới xem xe. Q tới phòng trọ của Hoàng Văn Th, Q hỏi S “Xe này ở đâu”, S nói “Xe ở xa lắm, anh cứ yên tâm đi, biển số ở trong cốp”, biết chắc chắn là xe do trộm cắp mà có nhưng Q vẫn mua, Q và S thỏa

thuận mua bán với giá 3.000.000 đồng. Q chỉ mang 1.500.000 đồng nên đã vay Th 1.500.000 đồng trả đủ cho S. Sau đó Q mang xe về nhà trọ để dùng làm phương tiện đi lại. Còn S đi về xã B, khi đi qua cầu Cốc Lếu, S đã vút kìm và tuốc nơ vít xuống Sông Hồng; sau đó tiêu xài cá nhân hết số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 05/3/2019, Trần Ngọc S, Hoàng Văn Th, Nguyễn Hồng Q được triệu tập đến làm việc đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại chiếc xe mô tô 24Z1- 001.97.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 04/KL ngày 06 tháng 03 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện B kết luận chiếc xe mô tô HONDA Wave anpha màu đỏ - đen, biển kiểm soát 24Z1- 001.97, số khung 9Y066244, số máy 2E-1267100 trị giá là 13.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS-BH ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trần Ngọc S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Hoàng Văn Th; Nguyễn Hồng Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai luận tội bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Trong đó:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Ngọc S từ 09 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về bồi thường thiệt hại dân sự: Không đề nghị giải quyết.

Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu số tiền 3.000.000 đồng của Trần Ngọc S do phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Ngọc S; Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được tóm tắt ở phần trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai báo. Đã có đủ căn cứ khẳng định: Trong ngày 03 tháng 3 năm 2019, bị cáo Trần Ngọc S đã có hành vi lén lút dùng Tu Vít và Kim phá khoá để lấy trộm xe mô tô của bà Trần Thị T với mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân, sau đó bị cáo mang ra Thành phố Lào Cai cho Hoàng Văn Th tiêu thụ. Hoàng Văn Th biết xe trộm cắp nhưng vẫn giới thiệu cho Nguyễn Hồng Q để mua, bản thân Q sau khi biết xe do trộm cắp mà có nhưng vì thấy rẻ nên vẫn mua. Hành vi của bị cáo Trần Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, hành vi của Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trần Ngọc S ra trước tòa về tội “Trộm cắp tài sản ” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất mức độ hành vi, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, phải xử phạt các bị cáo nghiêm minh và tuyên mức án tương xứng với tính chất và mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Xét thấy, bị cáo Trần Ngọc S là người có nhân thân xấu, ngày 03.11.2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, sau khi chấp hành xong hình phạt bị cáo không lấy đó làm bài học mà còn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Sau khi phạm tội quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và khai nhận trước đó đã nhiều lần trộm cắp xe mô tô mang cho Hoàng Văn Th tiêu thụ và hiện nay cơ quan điều tra Công an huyện M, huyện B1 tỉnh Lào Cai đang tiến hành điều tra, bị cáo có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị trộm cắp không lớn, tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo và giảm

nhẹ cho bị cáo 1 phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo Trần Ngọc S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q mặc dù biết rõ tài sản do S trộm cắp mà có nhưng đã tiêu thụ, do vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình. Đây là hành vi đồng phạm giản đơn, Th là người khởi xướng nên chịu trách nhiệm chính còn Q với vai trò là đồng phạm.

Bị cáo Hoàng Văn Th: Quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và khai nhận trước đó đã nhiều lần tiêu thụ tài sản do Sơn trộm cắp, hiện nay bị cáo đang bị điều tra về hành vi phạm tội do cơ quan điều tra Công an huyện M, huyện B tỉnh Lào Cai đang tiến hành theo thẩm quyền. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Bị cáo có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản bị cáo tiêu thụ đã được thu hồi và trả cho chủ sở hữu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo và giảm nhẹ cho bị cáo 1 phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo Hoàng Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Nguyễn Hồng Q: Quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản phạm tội có giá trị không lớn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo và giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Bị cáo Nguyễn Hồng Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; chấp hành tốt mọi quy định của địa phương nơi cư trú; có nơi ở rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội vẫn đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội. Cần áp dụng khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 xe mô tô HONDA Wave anpha màu đỏ - đen, biển kiểm soát 24Z1-001.97, số khung 9Y066244, số máy 2E-1267100. Xét thấy không ảnh hưởng đến vụ án nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy là phù hợp với qui định của pháp luật nên không đề cập giải quyết.

Đối với 01 Tuốc nơ vít, 01 kìm là công cụ dùng vào việc phạm tội của Trần Ngọc S. Sau khi bán được xe trộm cắp, bị cáo Sơn đã vứt xuống Sông Hồng nên không thu giữ được. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà Q bỏ ra mua xe mô tô do S trộm cắp, nay Q không yêu cầu S trả lại. Hội đồng xét thấy cần phải truy thu số tiền trên để nộp ngân sách nhà nước.

[6]. Những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội của Kiểm sát viên và của các bị cáo đều phù hợp và được Hội đồng xét xử chấp thuận.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là chị Trần Thị T đã nhận lại đầy đủ số tài sản bị mất. Nay chị Tuyết không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc S phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian tính từ ngày bắt 05 tháng 3 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Th 08 (tám) tháng tù. Thời gian tính từ ngày bắt 05 tháng 3 năm 2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hồng Q cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Truy thu số tiền 3.000.000 đồng của Trần Ngọc S do phạm tội mà có.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc các bị cáo Trần Ngọc S; Hoàng Văn Th và Nguyễn Hồng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo Bản án: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo qui định tại khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện B;
- CQCSĐT CA huyện B;
- Bộ phận Hồ sơ nghiệp vụ CA B;
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai;
- PC 81 Công an tỉnh Lào Cai;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- THAHS;
- CCTHADS;
- Lưu HS; TA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hưng